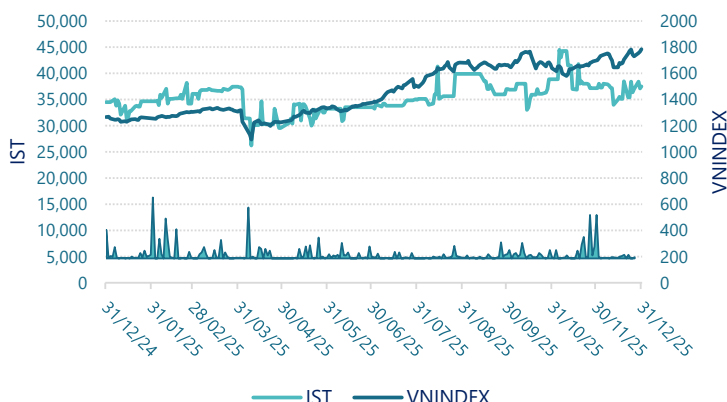


CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần (UPCOM: IST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	37,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,220
SL cổ phiếu LH	15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	560
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	563
P/E	6.8
EPS	5,496

DT thuần

Q4/25

129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 0.8%

YoY: ▲ 5.00 | 4.1%

LN sau thuế

Q4/25

13.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.7 | -46.8%

YoY: ▼0.20 | -1.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

20.3%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

2025

512

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 57.0 | 12.5%

LN sau thuế

2025

82.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0 | 25.9%

ROE

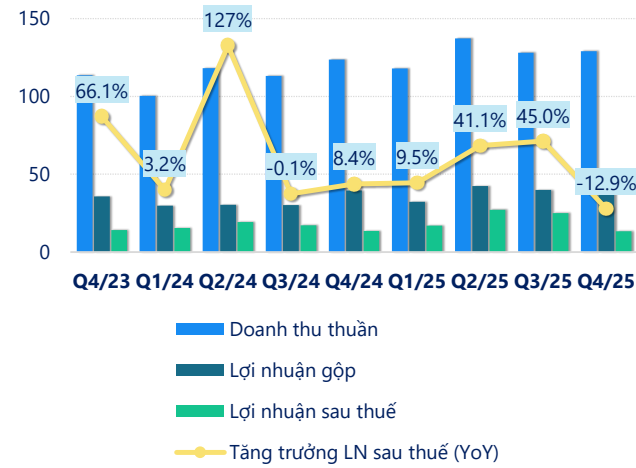
2025

32.2%

+/- YoY: ▲ 3.1%

tỷ VNĐ

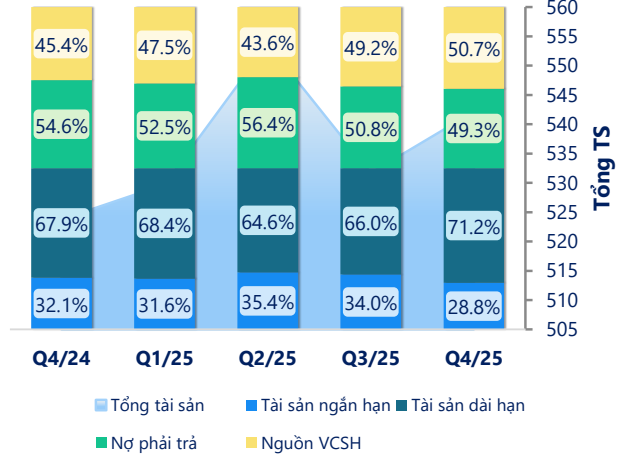
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

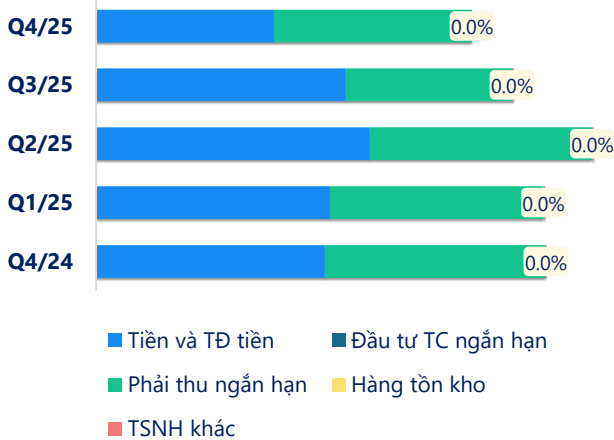
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



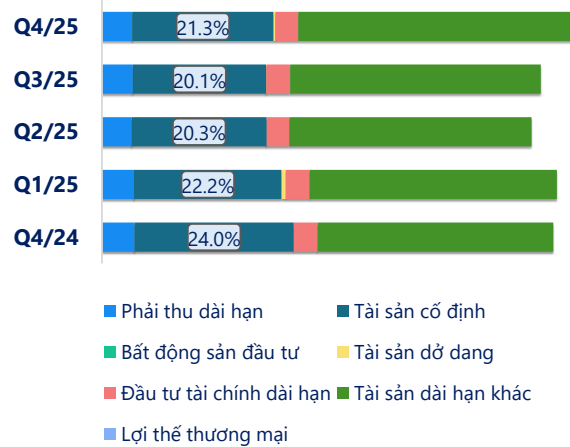
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

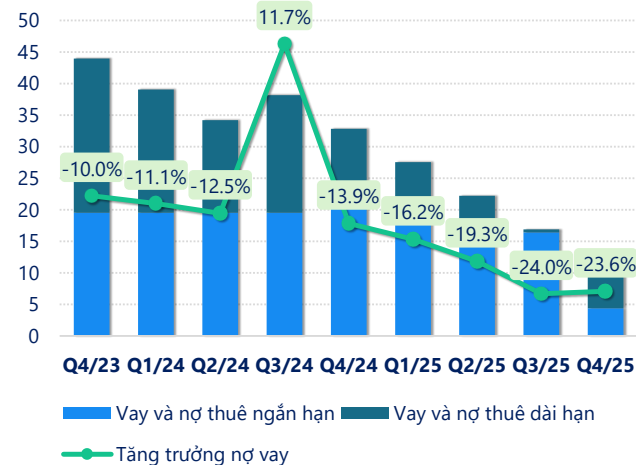
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

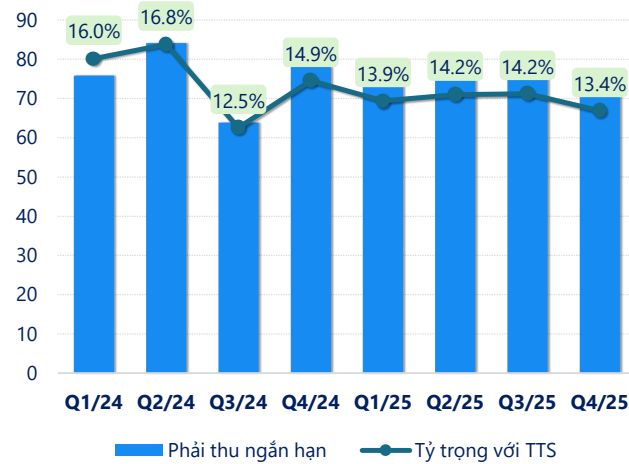
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



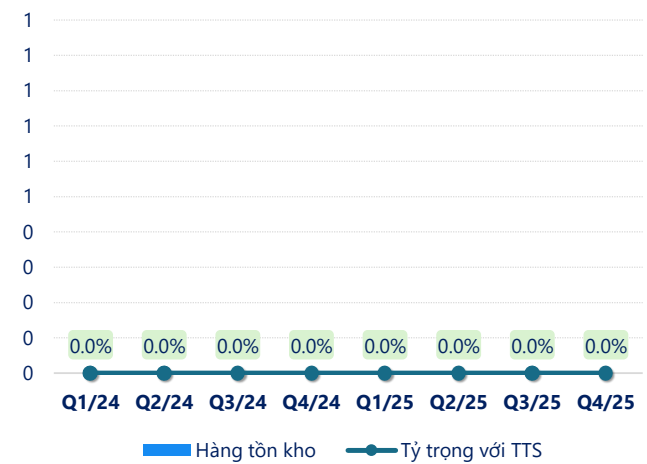
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


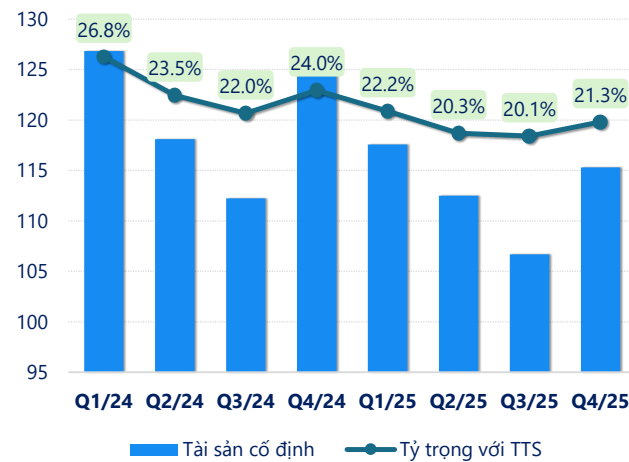
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


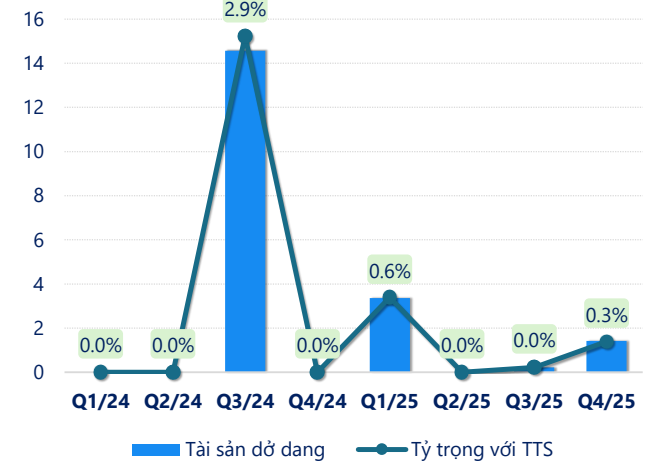
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

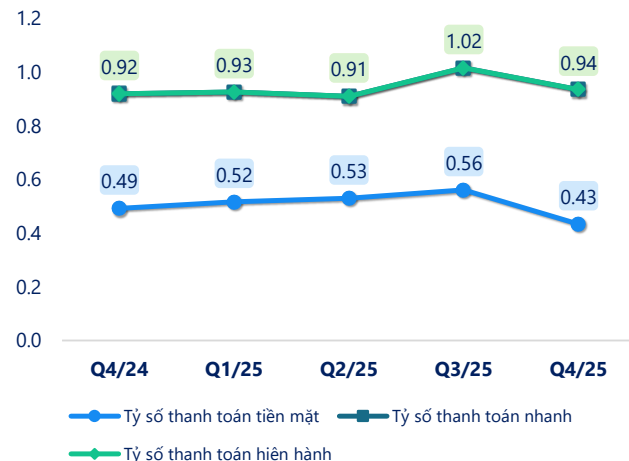
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

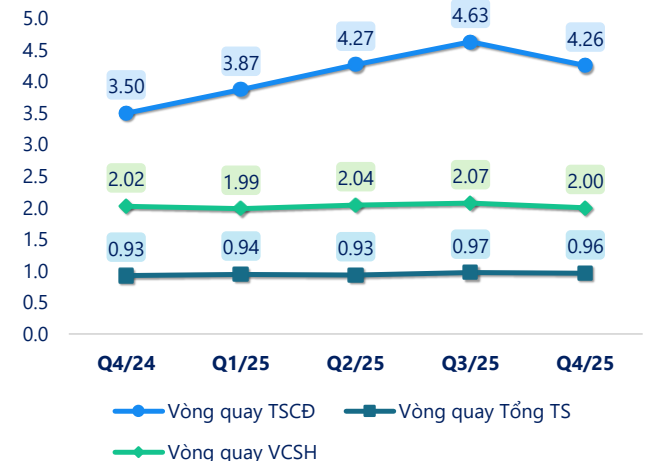
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	524	530	554	532	542
Tài sản ngắn hạn	168	167	196	181	156
Tiền và tương đương tiền	90.1	93.3	114	99.8	72.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	78.1	73.5	78.6	75.7	72.5
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.26	3.19	5.20	11.4
Tài sản dài hạn	356	363	358	351	386
Phải thu dài hạn	25.6	25.6	24.8	24.7	24.7
Tài sản cố định	126	118	112	107	115
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	3.36	0	0.22	1.42
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	18.8	18.8	18.8
Tài sản dài hạn khác	186	197	202	200	226
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	286	278	313	270	267
Nợ ngắn hạn	183	180	215	178	167
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.3	21.3	16.4	16.4	4.40
Phải trả người bán ngắn hạn	57.0	51.0	41.6	29.5	57.5
Nợ dài hạn	103	97.8	97.3	92.0	100
Vay và nợ thuê dài hạn	11.6	6.23	5.77	0.44	8.49
Nguồn vốn chủ sở hữu	238	251	241	262	275
Vốn chủ sở hữu	238	251	241	262	275
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)